

Số: 98/ĐA-THCS

Cẩm Phả, ngày 10 tháng 3 năm 2026

ĐỀ ÁN TỰ CHỦ
CỦA TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN
GIAI ĐOẠN 2026-2030

PHẦN I

SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. Sự cần thiết

1. Tình hình chung

1. Thực hiện các chủ trương, chỉ đạo của Trung ương Đảng, Chính phủ, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh, việc tinh giản biên chế, số lượng người làm việc gắn với nâng cao mức độ tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập là nhiệm vụ quan trọng, cần tiếp tục triển khai trong giai đoạn 2026 - 2030. Trên cơ sở kế thừa những kết quả đạt được trong quá trình thực hiện Đề án tự chủ giai đoạn 2023 - 2025, trong giai đoạn 2026 - 2030, các đơn vị sự nghiệp công lập cần tiếp tục chủ động, nghiêm túc thực hiện việc kiện toàn tổ chức bộ máy, tinh giản số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước, điều chỉnh, bổ sung số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp tương ứng với mức độ tự chủ tài chính, đồng thời nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, bảo đảm đủ nhân lực đáp ứng yêu cầu thực tiễn, nhất là trong các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa - xã hội,... Qua đó, góp phần hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, bảo đảm các mục tiêu về an sinh xã hội trong tổng thể nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Trung ương đã ban hành một số chỉ đạo, quy định theo hướng tạo thuận lợi cho chính quyền địa phương chủ động thực hiện xã hội hóa, nâng cao năng lực tự chủ và triển khai thực hiện Đề án tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập, cụ thể như sau:

(1) Tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập, được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 11 Nghị định số 283/2025/NĐ-CP ngày 31/10/2025 quy định: (i1) Điều 24 quy định: Thẩm quyền và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: phê duyệt Đề án tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý (đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các sở, ngành và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Thẩm quyền và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã: phê duyệt Đề án tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý (đơn vị sự nghiệp

công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã). (i2) Tại khoản 1, Điều 25 quy định về thẩm quyền và trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập: Xây dựng Đề án tự chủ (bao gồm các nội dung tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính) của đơn vị, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổ chức triển khai thực hiện và chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và trước pháp luật đối với các nội dung theo Đề án tự chủ của đơn vị.

(2) Tại mục 2.3, phần 2, Nghị quyết số 75/NQ-QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc Hội về hoạt động chất vấn tại kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XV, trong đó có nội dung chỉ đạo: Khẩn trương hoàn thiện chính sách, pháp luật về tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập; phê duyệt Đề án tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý, trong đó xác định rõ số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp tương ứng với mức độ tự chủ về tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trong việc thực hiện Đề án; đẩy mạnh xã hội hóa một số dịch vụ công, nhất là trong các lĩnh vực có điều kiện. (3) Tại điểm b, mục 4, phần II Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 02/4/2024 của Chính phủ, giao các bộ, ngành, địa phương: Chỉ đạo và phê duyệt Đề án tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý, trong đó cần xác định rõ vai trò, chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân lực, cơ chế tài chính với lộ trình nâng cao mức độ tự chủ về tài chính phù hợp với lộ trình tính đủ giá dịch vụ theo quy định, tiến tới giao tự chủ hoàn toàn đối với các đơn vị sự nghiệp công lập có thu, tạo điều kiện cho đơn vị sự nghiệp công lập phát triển ổn định, bền vững; đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, xác định rõ số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp tương ứng với mức độ tự chủ về tài chính của đơn vị. Do đó, để xác định rõ nhiệm vụ, giải pháp nhằm phát huy kết quả đạt được, khắc phục tồn tại, hạn chế, phấn đấu hoàn thành mục tiêu của giai đoạn 2026-2030 đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thì việc xây dựng Đề án tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập nói chung và của trường THCS Chu Văn An là rất cần thiết.

II. Cơ sở pháp lý

1. Văn bản chỉ đạo của Đảng

- Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị Trung ương 6 khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

- Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026.

2. Quy định của pháp luật, chỉ đạo của Chính phủ

- Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 283/2025/NĐ-CP ngày 31/10/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

- Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

- Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

- Nghị quyết số 75/NQ-QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc Hội về hoạt động chất vấn tại kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XV;

- Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 02/4/2024 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của chính phủ thực hiện Kết luận số 62-KL/TW ngày 02/10/2023 của Bộ chính trị về việc thực hiện Nghị Quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành trung ương đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Chỉ đạo của Tỉnh

- Chương trình hành động số 21-CTr/TU ngày 05/02/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, 19-NQ/TW Hội nghị lần thứ sáu, Ban Chấp hành Trung ương khóa XII;

- Quyết định số 30/2022/QĐ-UBND ngày 3/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Văn bản 666/UBND-TH ngày 23/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xây dựng Đề án tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2026-2030.

- Quyết định số 1279/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND phường Cẩm Phả về việc giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2026-2030 theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 và Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính Phủ.

PHẦN II

THỰC TRẠNG CỦA ĐƠN VỊ

I. Thực trạng của đơn vị sự nghiệp

1. Thực trạng về chức năng, nhiệm vụ

1.1. Chức năng, nhiệm vụ được giao

Lĩnh vực hoạt động của trường thực hiện theo quy định tại Luật giáo dục và Điều lệ trường THCS ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT bao gồm:

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

- Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

- Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

1.2. Tình hình thực hiện chức năng, nhiệm vụ

Một số kết quả đạt được

1.2.1. Về qui mô trường lớp và duy trì sĩ số:

Nhà trường tổ chức hoạt động giáo dục theo kế hoạch hàng năm, được tổ chức trong và ngoài giờ lên lớp, trong và ngoài khuôn viên nhà trường nhằm thực hiện chương trình các môn học, hoạt động giáo dục trong chương trình giáo dục phổ thông do Bộ GD&ĐT ban hành.

Hoạt động giáo dục được triển khai đa dạng với nhiều hình thức. Bên cạnh đó, trường THCS Chu Văn An còn triển khai cho học sinh tham gia các hoạt động giáo

dục toàn diện nhằm phát triển phẩm chất, năng lực người học, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện GD&ĐT.

TT	NỘI DUNG	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026
	ĐỐI VỚI HỌC SINH					
1	Tổng số lớp	20	20	22	25	26
2	Tổng số học sinh	878	892	976	1063	1113
3	Tỷ lệ huy động 11-14 tuổi ra lớp	222	219	315	316	270
4	Tỷ lệ HS hoàn thành CTTH vào lớp 6	100%	100%	100%	100%	100%
5	Tỷ lệ duy trì sĩ số	100%	100%	100%	100%	100%

1.2.2. Chất lượng hai mặt giáo dục

T T	NỘI DUNG	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
1	Kết quả rèn luyện	765	878	892	972	1063
	- Loại Tốt	761	872	885	971	1059
	- Loại Khá	4	6	7	1	4
	- Loại Đạt	0	0	0	0	0
2	Kết quả học tập	765	878	892	972	1063
	- Loại Tốt	587	498	532	278	696
	- Loại Khá	177	362	340	371	359
	- Loại Đạt	1	18	20	23	8
	- Chưa đạt	0	0	0	0	0
3	Học sinh Giỏi					
	- Cấp thành phố	59 (03 giải nhất; 09 giải nhì; 16 giải ba; 31 giải khuyến khích)	74 giải (05 giải nhất; 13 giải nhì; 22 giải ba; 34 giải khuyến khích)	64 giải (09 giải nhất; 19 giải nhì; 22 giải ba; 14 giải khuyến khích).	59 giải (6 giải Nhất; 9 giải Nhì; 15 giải Ba và 29 giải Khuyến khích)	70 giải (09 giải nhất; 22 giải nhì; 23 giải ba; 16 giải khuyến khích).
	- Cấp tỉnh	28 giải Trong đó: 02 giải Nhất; Nhì - 04 giải; Ba - 12 giải; Khuyến khích - 10 giải	35 giải (02 giải nhất; 09 giải nhì; 09 giải ba; 15 giải khuyến khích)	36 giải (02 giải nhất; 11 giải nhì; 10 giải ba; 13 giải khuyến khích).	34 giải (02 giải Nhất, 10 giải Nhì, 12 giải Ba, 10 giải Khuyến khích)	45 giải (08 giải nhất; 08 giải nhì; 17 giải ba; 12 giải khuyến khích).

4	Thi KHKT					
	- Cấp thành phố	01 giải nhất; 02 giải khuyến khích	01 giải nhất, 02 giải nhì, 01 giải tư	01 giải nhì, 01 giải ba	01 giải nhì	01 giải Ba, 01 giải KK
	- Cấp Tỉnh	01 sản phẩm được tham gia dự thi cấp Tỉnh	01 giải tư			
5	Thi STTNNĐ					
	- Cấp thành phố	1 giải nhất; 02 giải ba; 01 giải tư	01 giải đặc biệt; 01 giải nhất; 01 giải tư	03 sản phẩm tham gia thi	02 giải nhì, 01 giải ba, 01 giải tư	1 Ba, 1 KK
	- Cấp Tỉnh	01 sản phẩm được tham gia dự thi cấp Tỉnh	01 giải nhất; 01 Khuyến khích	01 giải nhất, 01 giải khuyến khích	02 Khuyến khích	
	- Cấp Quốc gia			01 sản phẩm được tham gia vòng thi quốc gia		
6	Tỷ lệ HS lớp 9 tốt nghiệp THCS	100%	100%	100%	100%	100%

*** *Củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục***

Triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ GD & ĐT Quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

1.3. Cơ chế hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập

Trường THCS Chu Văn An là đơn vị sự nghiệp công lập do cơ quan có thẩm quyền thành lập theo quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân, cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

Nhà trường là đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách đảm bảo một phần chi thường xuyên. Hiện tại đơn vị được tự chủ quyết định các nội dung chi gồm: chi tiền lương và các khoản đóng góp theo tiền lương; chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý theo các mức chi do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định và được thực hiện chi các khoản khác nếu có.

Nguồn thu hoạt động sự nghiệp hiện nay đang thực hiện là nguồn thu học phí. Ngoài ra, đơn vị thực hiện một số các khoản thu dịch vụ phục vụ cho hoạt động giáo dục: Trồng giữ phương tiện, nước uống, bán trú.

Tổ chức bộ máy được thực hiện theo quy định và phân cấp của tỉnh; biên chế do UBND phường Cẩm Phả giao hàng năm trên tổng chỉ tiêu biên chế (số người làm việc) được UBND tỉnh giao hàng năm; Nhân sự là được cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng theo vị trí việc làm, theo hợp đồng, được quản lý, sử dụng tư cách là viên chức.

a) Đánh giá chung về thuận lợi, khó khăn và nguyên nhân

*** Thuận lợi**

Nhà trường luôn được Sở GD&ĐT, Đảng ủy- HĐND-UBND phường Cẩm Phả quan tâm, đầu tư trang bị thiết bị dạy học; tu sửa, xây dựng trường lớp khang trang; cảnh quan môi trường xanh, sạch, thân thiện. Cán bộ, giáo viên, nhân viên năng động, sáng tạo; tích cực, trách nhiệm, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

Nhà trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1¹ và đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2². Các chỉ tiêu đạt được hàng năm về chất lượng giáo dục cao. Số học sinh đạt giải qua các kỳ thi chọn học sinh giỏi các cấp trong những năm gần đây được giữ vững và tăng ở một số môn. Số học sinh đạt giải cao trong các cuộc thi trí tuệ khác cũng được nâng lên rõ rệt. Đó là động lực cho đội ngũ cán bộ giáo viên phấn đấu, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ để phát triển mạnh và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

*** Khó khăn**

- Thiếu nhân viên theo vị trí việc làm; Số giáo viên còn thiếu so với định biên nên nhiều giáo viên phải dạy chéo môn. Điều đó ảnh hưởng đến chất lượng dạy và học.

Vẫn còn một số ít học sinh chưa tự giác, chủ động trong học tập. Việc rèn kỹ năng các môn văn hóa, tổ chức các hoạt động trải nghiệm, thực hành thí nghiệm, dạy kỹ năng sống, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao,... đã được quan tâm nhưng hiệu quả và thành tích chưa cao.

Huy động xã hội hóa giáo dục để trang bị thêm cơ sở vật chất còn hạn chế. Việc mua sắm cơ sở vật chất phục vụ dạy học chủ yếu vẫn chỉ được chi từ nguồn chi thường xuyên của nhà trường. Cơ sở vật chất nhà trường chỉ đạt mức 1 theo Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GD&ĐT Ban hành Tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ GD&ĐT.

¹ Quyết định số 176/QĐ-SGDĐT ngày 9/10/2023 của Sở GD&ĐT Quảng Ninh v/v cấp Bằng công nhận trường đạt chuẩn quốc gia cho Trường THCS Chu Văn An thành phố Cẩm Phả;

² Quyết định số 176/QĐ-SGDĐT ngày 9/10/2023 của Sở GD&ĐT Quảng Ninh v/v cấp chứng nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cho Trường THCS Chu Văn An thành phố Cẩm Phả;

2. Thực trạng về tổ chức bộ máy

2.1. Cơ cấu lãnh đạo:

- Số lượng theo quy định và hiện trạng (số lượng cấp trưởng, cấp phó):
- + Số lượng theo quy định: Cấp trưởng: 01; Cấp phó: 02.
- + Hiện trạng: Cấp trưởng: 01; Cấp phó: 02.

- Đánh giá chung về tiêu chuẩn, điều kiện đối với cấp trưởng, cấp phó: Nhà trường đủ CBQL theo qui định. Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đều có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực trong công tác quản lý, lãnh đạo, điều hành, nhiệt tình, trách nhiệm, gương mẫu, tiên phong trong nhiệm vụ được giao, được đào tạo về trình độ lý luận chính trị và bồi dưỡng thường xuyên, có ý thức cao trong việc tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ quản lý. Đảm bảo về trình độ, năng lực và độ tuổi để đáp ứng nhiệm vụ.

STT	Nội dung	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
1	Số lượng	01	02
2	Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ quản lý giáo dục; ĐHSP Sinh - Hóa	PHT 1: ĐHSP Toán PHT2: ĐHSP Sinh
3	Trình độ ngoại ngữ	Cử nhân	B
4	Trình độ tin học	ƯDCNTT cơ bản	ƯDCNTT cơ bản
5	Trình độ LLCT	Cao cấp	Trung cấp
6	Trình độ QLGD	Thạc sĩ	
7	Đánh giá XL theo chuẩn	Tốt	Tốt

2.2. Cơ cấu giáo viên, nhân viên

Nhà trường có 35 giáo viên biên chế và 8 giáo viên hợp đồng theo Nghị định 111; 04 nhân viên (Văn thư, thiết bị-thư viện, y tế và kế toán). Trình độ đạt chuẩn trở lên: 47/47 (100%).

STT	Nội dung	Giáo viên	Nhân viên
1	Số lượng	43	04
2	Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ: 10; Đại học: 33;	01 ĐH kế toán 01 ĐH thiết bị - thư viện 01 TC kế toán, CC văn thư 01 Trung cấp y sĩ đa khoa
3	Trình độ LLCT	Trung cấp: 11	
4	Đánh giá XL chuẩn	Tốt 30; Khá 2;	

3. Thực trạng về số lượng người làm việc:

3.1 Số lượng người làm việc được Ủy ban nhân dân tỉnh giao

Số lượng người làm việc nhà trường được giao như sau: (Theo Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 25/02/2026 của UBND phường Cẩm Phả)

- Tổng số lượng người làm việc: 50
 - Hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP: 08 giáo viên
- Cụ thể như sau:

TT	Tên đơn vị	Số người làm việc đã giao năm 2026	
		Hưởng lương ngân sách	Hưởng lương nguồn thu sự nghiệp
1	Lãnh đạo đơn vị	3	
2	Giáo viên	37	6
3	Nhân viên kế toán	1	
5	Nhân viên y tế	1	
6	Nhân viên thiết bị, thư viện	1	
7	Nhân viên văn thư	1	
Tổng		44	6

3.2. Đánh giá chung về số lượng, chất lượng đội ngũ

- Cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường có lập trường tư tưởng vững vàng, kiên định, có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống trong sáng, lành mạnh, luôn gương mẫu thực hiện và chấp hành tốt, mọi chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

- Trình độ chuyên môn: 100 % cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt chuẩn và trên chuẩn (Trên chuẩn: 11 = 22%. Đại học 38 = 76%; Cao đẳng: 01 = 2%); Lý luận chính trị: Cao cấp 01 = 2 %; Trung cấp 13 = 26%; Quản lý nhà nước: 02 = 2,7%. Năng lực giảng dạy của giáo viên nhà trường về cơ bản tốt. Đội ngũ giáo viên được dần trẻ hóa, thuận lợi cho việc tiếp cận sự đổi mới trong giáo dục và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học.

- Tập thể cán bộ giáo viên trong trường luôn đoàn kết; có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc. Nhiều giáo viên có bề dày thành tích và kinh nghiệm giảng dạy, có uy tín với đồng nghiệp với học sinh và cha mẹ học sinh, có năng lực giảng dạy tốt, luôn tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ.

- Cơ cấu tổ chức của nhà trường được bố trí đảm bảo đúng các qui định của Chính phủ và Bộ GD&ĐT, các tổ chức đoàn thể, bộ phận trong nhà trường được sắp xếp phù hợp, đảm bảo hiệu quả khi thực hiện các hoạt động chuyên môn theo kế hoạch được giao.

- Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân:

+ Đối chiếu với Thông tư 20/2023/TT-BGDĐT: Nếu không tính 08 giáo viên Hợp đồng 111 thì nhà trường thiếu 13 GV theo định biên 1,9 giáo viên/lớp, thiếu 04 nhân viên.

+ Trình độ ngoại ngữ, tin học của đội ngũ nhà giáo tuy đã có tiến bộ nhưng vẫn chưa ngang tầm, chưa phát huy thành tựu của khoa học kỹ thuật; hiệu quả khai thác thế mạnh của CNTT chưa thật cao, vận dụng Tiếng Anh giao tiếp còn hạn chế....

+ Hàng năm, luôn có sự biến động do tăng lớp, chuyển đổi công tác nên dẫn đến thiếu giáo viên ở một số bộ môn, số tiết thực dạy vượt so với định biên nhiều do đó chưa có nhiều thời gian đầu tư vào chuyên môn.

- Nguyên nhân

Nhiều năm nay không thực hiện tuyển dụng viên chức giáo dục nên số biên chế thiếu nhiều. Năm học 2025-2026, nhà trường thực hiện hợp đồng theo Nghị định 111 với 08 giáo viên để khắc phục tình trạng thiếu giáo viên.

4. Thực trạng tự chủ về tài chính

4.1 Về tự chủ tài chính

Tình hình chấp hành chính sách, chế độ và các quy định về tài chính: Chấp hành đúng, đầy đủ các chế độ, chính sách của tài chính.

- Thực hiện các nhiệm vụ đặc thù của đơn vị: Chi cho các hoạt động chuyên môn, công tác giáo dục đầy đủ, kịp thời, đúng quy định.

a. Tình hình nguồn thu, chi tài chính giai đoạn 2023-2025 và dự kiến năm 2026 của trường THCS Chu Văn An

Đơn vị tính: Nghìn đồng

TT	Nội dung	2023	2024	2025	2026 Dự kiến
I	Nguồn thu	2.508.900	1.713.960	921.120	1.405.215
1	Thu học phí	1.156.800	287.310	0	0
2	NSNN cấp bù miễn, giảm học phí	1.352.100	1.426.650	921.120	1.405.215
II	Chi thường xuyên giao tự chủ	7.271.141	8.329.331	10.476.024	13.347.576

Như vậy, nguồn thu năm 2026 so với năm 2023 tăng cụ thể như sau:

Năm 2023 thu được: 2.508,900 triệu đồng.

Năm 2026 thu được: 1.405,215 triệu đồng

Vậy số thu giảm năm 2026: 1103,685 triệu đồng

b) Mức tự chủ:

Giai đoạn tiếp theo (2026-2030): 11,87% tự chủ kinh phí chi thường xuyên (theo Quyết định số 1279/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND phường Cẩm Phả).

c) Đánh giá chung về tự chủ

- **Kết quả, lộ trình tự chủ 2023-2025:** Đơn vị có mức tự đảm bảo chi phí hoạt động thường xuyên từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên theo Quyết định số 2870/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của UBND thành phố Cẩm Phả về giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục do UBND thành phố quản lý giai đoạn 2023-2025.

+ **Phân phối chênh lệch thu chi thường xuyên (nêu nguyên tắc phân phối đảm bảo phù hợp với tình hình tài chính của đơn vị), trong đó:**

Năm 2023: Đơn vị đã trích lập các quỹ như sau:

- + Trích lập quỹ Phát triển sự nghiệp: 205,822 triệu đồng
- + Trích lập quỹ bổ sung thu nhập: 544,328 triệu đồng
- + Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi: 622 triệu đồng

Năm 2024: Đơn vị đã trích lập các quỹ như sau:

- + Trích lập quỹ Phát triển sự nghiệp: 133,827 triệu đồng
- + Trích lập quỹ bổ sung thu nhập: 511,863 triệu đồng
- + Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi: 380 triệu đồng

Năm 2025: Đơn vị đã trích lập bổ sung thu nhập: 796,175 triệu đồng; quỹ phúc lợi: 179,500 triệu đồng.

+ Thu nhập tăng thêm của người lao động: Kết thúc năm tài chính sau khi đã hoàn thành các chỉ tiêu, nghĩa vụ được cấp thẩm quyền giao, căn cứ vào kết quả tài chính thì phần kinh phí tiết kiệm được chi trả thu nhập tăng thêm cho từng người lao động. Được quyết định tổng mức thu nhập tăng thêm trong năm cho người lao động, nhưng tối đa không quá 01 lần quỹ tiền lương cấp bậc, chức vụ trong năm do nhà nước quy định.

Mức chi trả thu nhập tăng thêm theo nguyên tắc chung và theo kết quả phân loại, bình xét thi đua lao động theo học kỳ và đảm bảo công bằng người nào có hiệu suất công tác cao thì được chi trả cao hơn (xếp loại A, B, C)

- Năm 2023, nhà trường thực hiện chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động với tổng số tiền: 544.200.000 đồng. Thu nhập tăng thêm bình quân 14.708.108đ/người.

- Năm 2024, nhà trường thực hiện chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động với tổng số tiền: 511.813.206 đồng. Thu nhập tăng thêm bình quân 13.123.415đ/người.

- Năm 2025, nhà trường thực hiện chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động với tổng số tiền: 796.174.763 đồng. Thu nhập tăng thêm bình quân 15.923.495đ/người.

- Ưu điểm, tồn tại, hạn chế theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐCP và các văn bản liên quan.

+Ưu điểm: Nghị định số 60/2021/NĐ-CP tạo bước ngoặt về tự chủ tài chính cho đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) thông qua việc phân loại rõ 4 nhóm tự chủ, tăng quyền chủ động sử dụng kinh phí, quy chế chi tiêu nội bộ và nâng cao thu nhập. Hạn chế chính là sự chậm trễ trong các văn bản hướng dẫn, vướng mắc về giá dịch vụ, quản lý tài sản công và sự đồng bộ với các luật chuyên ngành.

Đơn vị được tự chủ tối đa trong việc sử dụng kinh phí được giao, tự chủ xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, và quyết định các khoản chi dựa trên hiệu quả công việc. Việc gắn kết quả công việc với phân phối thu nhập tăng thêm giúp nâng cao thu nhập cho cán bộ, viên chức. Nghị định chia rõ 4 nhóm tự chủ, giúp các đơn vị định hình lộ trình tài chính và trách nhiệm cụ thể

+**Tồn tại, hạn chế:** Đơn vị gặp khó khăn khi chuyển sang tự chủ chi thường xuyên do nguồn thu chưa ổn định, thiếu chỉ tiêu biên chế về giáo viên, nhân viên theo vị trí việc làm. Cơ chế tự chủ trong quản lý nguồn thu để đầu tư, mua sắm tài sản còn nhiều vướng mắc, quy trình phức tạp và các quy định pháp luật về đấu thầu.

4.2 Khái quát chung về cơ sở vật chất, trang thiết bị

4.2.1. Cơ sở vật chất

** Thực trạng cơ sở vật chất và xác định nhu cầu đầu tư cơ sở vật chất đảm bảo các phương án tự chủ:*

Để đảm bảo về cơ sở vật chất đạt tiêu chuẩn theo Thông tư 13 và Thông tư 23, đủ điều kiện công nhận trường Trung học cơ sở đạt chuẩn Quốc gia, cần đầu tư về cơ sở vật chất như sau:

- Diện tích đất của trường là 10.436 m², hiện chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích bình quân đạt 10,7 m²/học sinh.

- Xác định nhu cầu đầu tư cơ sở vật chất đảm bảo phương án tự chủ như sau (thuyết minh hiện trạng, sự cần thiết, phương án triển khai):

+ Khối phòng hành chính quản trị: 01 phòng Hiệu trưởng, 02 phòng Phó hiệu trưởng, 01 phòng văn phòng, 01 khu vệ sinh cán bộ giáo viên. Hiện nhà trường còn thiếu chưa có nhà để xe cho giáo viên, nhân viên.

+ Khối phòng học tập: 28 phòng học, 06 phòng bộ môn (Công nghệ, Tin học, Ngoại ngữ, 03 phòng KHTN. Đối với các phòng còn thiếu, nhà trường bố trí tạm thời 04 phòng học ra để làm phòng Âm nhạc và phòng Mĩ thuật; phòng KHXX, phòng Đa chức năng.

+ Khối phòng hỗ trợ học tập: phòng Thư viện, phòng thiết bị giáo dục, phòng Truyền thống, phòng Đoàn, Đội. Hiện phòng Đoàn - Đội được bố trí là phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập.

+ Khối phụ trợ: 02 phòng họp, 03 tổ chuyên môn, 01 phòng y tế, 01 nhà kho, 01 khu để xe học sinh, 03 khu vệ sinh học sinh

+ Khu sân chơi, thể dục thể thao: 01 sân thể dục thể thao tổng diện tích 616,8m²

+ Khối phục vụ sinh hoạt: 01 nhà ăn và ký túc xá học sinh 3 tầng

+ Các hạng mục phụ trợ khác: 01 nhà Đa năng diện tích 764,5m²

- Đầu tư sân chơi, khuôn viên, cảnh quan trường lớp xanh, sạch, đẹp, an toàn và thân thiện với học sinh. Khu sân chơi, thể dục thể thao: Bố trí các sân thể dục thể thao cho riêng từng môn; nhà đa năng phải đáp ứng được các hoạt động thể dục thể thao và hoạt động chung của trường.

- Các phòng học có quạt, bàn ghế, điều hòa, loa,....ánh sáng phù hợp đáp ứng yêu cầu hoạt động giáo dục của trường.

- Các khối công trình phục vụ cho hoạt động giáo dục của trường được xác định cụ thể:

TT	Hạng mục công trình	Số lượng (phòng)	Tổng diện tích (m ²)	Hiện trạng (xuống cấp, hết niên hạn sử dụng...)	Nhu cầu
I	Khối phòng hành chính quản trị				
1	Phòng Hiệu trưởng	1	25,92	Đang sử dụng	
2	Phòng họp nội bộ	1	25,92	Đang sử dụng	
3	Phòng Phó Hiệu trưởng	2	25,92	Đang sử dụng	
4	Phòng Công đoàn	1	25,92	Đang sử dụng	
5	Phòng bảo vệ	1	14,4	Đang sử dụng	
6	Khu vệ sinh CB, GV, NV	1	81	Đang sử dụng	
7	Khu để xe CB, GV, NV (hiện tại chưa có)	0			Đầu tư nhà để xe cho giáo viên.
II	Khối phòng học tập				
1	Phòng học	28	1.638	Đang sử dụng	
2	Phòng học bộ môn Âm nhạc	01	58,5	Đang sử dụng	
3	Phòng học bộ môn Mỹ thuật	01	58,5	Đang sử dụng	
4	Phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên	03	107	Đang sử dụng	
5	Phòng học bộ môn Tin học	01	58,5	Đang sử dụng	
6	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	01	58,5	Đang sử dụng	
7	Phòng học bộ môn Khoa học xã hội	01	58,5	Đang sử dụng	Bổ sung 01 phòng và các thiết bị kèm theo
8	Phòng đa chức năng	01	58,5	Đang sử dụng	Bổ sung 01 phòng đa năng
9	Phòng học STEM				Bổ sung 1 phòng học STEM
III	Khối phòng hỗ trợ học tập				
1	Thư viện	1	130	Đang sử dụng	Bổ sung trang thiết bị 01 phòng đọc riêng cho giáo viên.
2	Phòng thiết bị giáo dục	1	29,25	Đang sử dụng	
3	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập	0	0	Đang dùng chung với phòng Đoàn Đội	

4	Phòng truyền thống	1	77,76	Đang sử dụng	
5	Phòng Đoàn, Đội	1	29,25	Đang sử dụng	
IV	Khối phụ trợ				
1	Phòng họp (phòng Hội đồng)	1	155,52	Đang sử dụng	
2	Phòng các tổ chuyên môn (03 tổ CM)	03	84,42	Đang sử dụng	
3	Phòng Y tế trường học	1	29,25	Đang sử dụng	
4	Nhà kho	01	43,2	Đang sử dụng	
5	Khu để xe học sinh	1	262,8	Đang sử dụng	
6	Khu vệ sinh học sinh cấp THCS	2	130,86	Đang sử dụng	
7	Khu vệ sinh học sinh cấp THPT				
8	Phòng nghỉ giáo viên	3	84,42	Sử dụng chung cùng với các phòng tổ chuyên môn	
9	Phòng chờ giáo viên	1	51,84	Đang sử dụng	
V	Khu sân chơi, thể dục thể thao				
1	Sân trường	1	2,700	Đang sử dụng	
2	Sân thể dục thể thao	01	616,8		
3	Nhà đa năng	01	764,5	Đang sử dụng	
VI	Khối phục vụ sinh hoạt				
1	Nhà bếp + kho bếp	01	90,72	Đang sử dụng	
2	Nhà ăn	01	151,2	Đang sử dụng	
3	Nhà ở nội trú học sinh	04	120,96	Đang sử dụng	
4	Phòng nghỉ trưa học sinh	12	362,88	Đang sử dụng	
VII	Các hạng mục khác				
1	...				

4.2.2. Trang thiết bị dạy học

Thiết bị phòng học thông minh được trang cấp từ năm 2019, đến nay đã bị hư hỏng nhiều, hàng năm nhà trường thực hiện sửa chữa để tiếp tục phát huy sử dụng ở các mức độ.

Có đủ thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, trang thiết bị đồng bộ, hiện đại đáp ứng các hoạt động dạy và học; các trang thiết bị văn phòng phục vụ tốt công tác quản lý dạy và học.

Trang sắm thêm cơ sở vật chất cho nhà trường như: Tăng âm loa máy, màn hình Led, hệ thống camera.

Đánh giá hiện trạng thiết bị văn phòng, thiết bị dạy học hiện có của trường: Nhà trường có đủ thiết bị văn phòng tối thiểu phục vụ hoạt động dạy và học.

II. Đánh giá chung

1. Ưu điểm

Trên cơ sở kế thừa các kết quả đã đạt được từ khi triển khai Đề án 25, việc thực hiện sắp xếp, nâng cao hiệu quả hoạt động đối nhà trường theo Nghị quyết số 18, Nghị quyết 19 của Trung ương, Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XV và công tác lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh, của Sở GD&ĐT đã được nhà trường cụ thể hoá và triển khai thực hiện rõ bằng nhiều giải pháp hướng tới mục tiêu tinh giản biên chế gắn với hiệu lực hiệu quả tổ chức bộ máy: sắp xếp lại các tổ chuyên môn; rà soát nhiệm vụ phân công kiêm nhiệm ở các vị trí nhân viên; tăng cường tập huấn, bồi dưỡng nâng cao chất lượng chuyên môn đội ngũ để tập trung nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của học sinh.

2. Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân

Chỉ tiêu số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao hàng năm chưa đúng với số biên chế theo định biên nên chưa đáp ứng đủ nhu cầu thực tế, dẫn đến tình trạng thiếu giáo viên giảng dạy. Nhiều thầy cô phải giảng dạy vượt giờ theo quy định, dạy chéo môn ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng chuyên môn.

Cũng do thiếu nhiều biên chế, nên nhà trường không bố trí đủ nhân viên ở một số vị trí việc làm, đặc biệt nhân viên thư viện, công nghệ thông tin; nhân viên phụ trách khuyết tật. Đây là nhóm nhân viên rất cần thiết cho các nhà trường trong thời điểm hiện nay, khó bố trí kiêm nhiệm nếu không có chuyên môn đào tạo.

PHẦN III PHƯƠNG ÁN TỰ CHỦ CỦA TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN GIAI ĐOẠN 2026-2030

I. Dự báo tình hình giai đoạn 2026-2030

1. Tình hình chung

Sự nghiệp GD&ĐT luôn được Đảng và Nhà nước xác định “phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu”. Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản liên quan đến sự nghiệp đổi mới giáo dục. Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/9/2025 của Bộ chính trị về đột phá phát triển giáo dục đã tạo động lực phát huy lợi thế để tiên phong trong đổi mới giáo dục, chuyển đổi số và xây dựng xã hội học tập, tạo đột phá trong phát triển giáo dục và đào tạo trong kỷ nguyên mới.

Việc góp phần thực hiện hiệu quả chủ trương xã hội hóa giáo dục của Đảng và Nhà nước, huy động mọi nguồn lực đầu tư cho giáo dục, tạo sự cạnh tranh lành mạnh giữa trường công lập chất lượng cao và trường ngoài công lập chất lượng cao tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng và hiệu quả giáo dục đào tạo, nhằm tiếp tục xây dựng và phát triển hệ thống giáo dục thành phố toàn diện và vững chắc, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội, góp phần nâng cao chất lượng nguồn

nhân lực, trong việc thực hiện nhiệm vụ chiến lược “Nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài”.

Việc tinh giản biên chế, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập là nhiệm vụ quan trọng theo chỉ đạo của Trung ương Đảng, Chính phủ, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh.

Việc thực hiện tự chủ trong giai đoạn 2026-2030 đối với đơn vị là nhiệm vụ cấp thiết gắn với thực hiện Nghị quyết của Trung ương, của tỉnh và chỉ đạo của Ngành giáo dục.

Nếu việc thực hiện tự chủ trong nhà trường được thực hiện đồng thời với việc nâng cấp mức đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học thì sẽ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường. Học sinh được tham gia nhiều hoạt động giáo dục nhằm phát triển toàn diện các kỹ năng và nhân cách học sinh.

II. Phương án tự chủ

1. Mục tiêu

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chủ trương của Trung ương và của tỉnh về kiện toàn cơ cấu tổ chức, tinh giản số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước gắn với nâng cao năng lực tự chủ của Trường THCS Chu Văn An trong giai đoạn 2026-2030. Tăng cường sự chủ động trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; tự chủ về tài chính, nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ công; bảo đảm số lượng đi đôi với chất lượng đội ngũ cán bộ, viên chức, lao động của đơn vị đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ giảng dạy.

2. Phương án tự chủ

2.1. Tự chủ về thực hiện nhiệm vụ

2.1.1. Thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành về lĩnh vực được giao:

Thực hiện các chức năng được giao theo quy định tại Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 và Luật số 123/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục; Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/6/2020 của Bộ GD&ĐT Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và các văn bản khác có liên quan, nhà trường được thực hiện tự chủ các nội dung sau:

- Tự chủ về dự thảo chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện thực tế địa phương và truyền thống của nhà trường.

- Tự chủ tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông theo chỉ đạo của UBND phường và cấp có thẩm quyền.

- Tự chủ về thực hiện các hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng chuyên môn; quản lý có hiệu quả hoạt động dạy và học; đánh giá kiểm tra chất lượng giảng dạy và các hoạt động giáo dục theo quy định và hướng dẫn của cơ quan liên quan.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định; Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị; thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định

của Bộ GD&ĐT; thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

2.1.2. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, chỉ đạo của Sở GD&ĐT và các cơ quan, đơn vị thẩm quyền khác theo quy định.

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, hàng năm trường chủ động xây dựng kế hoạch hoạt động và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả. Định kỳ báo cáo UBND phường theo phân cấp.

Trường thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc xác định nhiệm vụ, xây dựng kế hoạch và tổ chức hoạt động gồm:

- Nhiệm vụ do UBND phường giao theo chức năng, nhiệm vụ của trường.
- Các nhiệm vụ tự xác định ngoài nhiệm vụ của UBND phường giao.
- Hợp đồng liên kết với các tổ chức, cá nhân về thực hiện dịch vụ thuộc lĩnh vực giáo dục, các hợp đồng kinh tế khác phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của trường và quy định của pháp luật.
- Quyết định mua sắm tài sản, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, vốn huy động theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Tham dự đấu thầu các hoạt động dịch vụ phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của trường.

2.2 Tự chủ về tổ chức bộ máy

2.2.1 Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định khác có liên quan; căn cứ vào tình hình thực tiễn, nhà trường đề xuất cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của nhà trường báo cáo UBND phường giải quyết theo thẩm quyền các nội dung về tổ chức, bộ máy, công tác nhân sự theo quy định, bảo đảm tinh gọn, nâng cao hiệu quả, chất lượng trong hoạt động, thực hiện chức năng, nhiệm vụ (theo quy định hiện hành hoặc có sự thay đổi về quy mô, khối lượng, tính chất công việc và mức tự chủ về tài chính). Thực hiện kiện toàn tổ chức, bộ máy trong nhà trường theo thẩm quyền, quy định của điều lệ trường phổ thông có nhiều cấp học.

Trường THCS Chu Văn An là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên có trách nhiệm xây dựng đề án sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức của đơn vị trình cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật.

Về khung số lượng cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập: Thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 6 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; công văn số 485/BNV-TCBC ngày 03/02/2021 của Bộ Nội vụ và Công văn số 722/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 01/3/2021 của Bộ GD&ĐT về số lượng cấp phó tại các đơn vị sự nghiệp công lập: không quá 02 Phó Hiệu trưởng.

Tổ chức bộ máy trong nhà trường gồm lãnh đạo, các tổ chức thuộc, các đoàn thể theo điều lệ trường học. Căn cứ vào tình hình thực tiễn, nhà trường đề xuất cơ cấu tổ

chức, chức năng nhiệm vụ của nhà trường, trình UBND phường thẩm định, phê duyệt, ban hành.

Chủ động bố trí sắp xếp nhân sự các đơn vị thuộc và phân công nhiệm vụ các thành viên trong tổ chức nhà trường; bố trí tổ chức lớp học theo kế hoạch, chỉ tiêu được giao hàng năm.

Căn cứ vào cơ cấu tổ chức bộ máy đã được Ủy ban nhân dân phường quy định và quyết định giao quyền tự chủ, hiệu trưởng nhà trường được thực hiện quy trình và quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các tổ chức, đoàn thể trực thuộc, khi đáp ứng các tiêu chí, điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguồn nhân lực, tài chính của đơn vị theo quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn hiện hành của cơ quan quản lý.

Trước và sau khi ban hành quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các bộ phận trực thuộc trường có trách nhiệm báo cáo UBND phường để tổ chức theo dõi, kiểm tra, giám sát theo quy định hiện hành.

2.3 Tự chủ về nhân lực

2.3.1. Nguyên tắc thực hiện

a) Căn cứ quy định và danh mục vị trí việc làm được phê duyệt, xác định số lượng người làm việc theo từng vị trí việc làm và 04 nhóm theo quy định của Nghị định số 106/2020/NĐ-CP:

Nhóm Lãnh đạo, quản lý: 03

Nhóm nghiệp vụ chuyên ngành: 55

Nhóm chuyên môn dùng chung: 03

Nhóm hỗ trợ, phục vụ: 01

Giai đoạn 2026-2030, Trường THCS Chu Văn An được UBND phường giao quyền tự chủ tài chính 11,87%, do đó:

- Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước: bảo đảm giảm tối thiểu 10% so với số giao năm 2025 của cấp có thẩm quyền.

- Số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp: bảo đảm theo tỷ lệ tự chủ 11,87%/tổng số lượng người làm việc theo định mức quy định.

b) Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tự bảo đảm chi thường xuyên, Trường THCS Chu Văn An chịu trách nhiệm bảo đảm việc làm, thu nhập ổn định đối với số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp.

2.3.2. Đề xuất số lượng người làm việc

a) Cơ sở xác định: Số lượng người làm việc của Trường THCS Chu Văn An được xác định trên cơ sở danh mục vị trí việc làm được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và định mức quy định tại Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ GD&ĐT về Hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập.

b) Số lượng người làm việc theo định biên

Năm học 2025-2026, trường THCS Chu Văn An có tổng số 26 lớp, 1113 học sinh. Các năm học tiếp theo giai đoạn 2026-2030 (năm học 2026-2027, 2027-2028, 2028-2029, 2029-2030), theo kế hoạch phát triển, trường THCS Chu Văn An có tổng số 28 lớp, 1211 học sinh.

Vì vậy, căn cứ quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ GD&ĐT về Hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập, số người làm việc theo định biên của Trường THCS Chu Văn An năm 2026 là: 62 người.

Cụ thể như sau:

- Cán bộ quản lý: 03
- Giáo viên, tổng phụ trách đội: 48
- Nhân viên (NV Khuyết tật: 1 + NV thiết bị, thí nghiệm 1 + Giáo vụ: 1 + Tư vấn HS: 1 + NV thư viện, quản trị công sở: 2, Văn thư, thủ quỹ, kế toán: 2): 8

c) Đề xuất số người làm việc giai đoạn 2026-2030 của Trường là **62** người. Cụ thể như sau:

- Số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp là **06** người, bằng 10,19%/tổng số người làm việc theo định mức của đơn vị (tỷ lệ % người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp bằng với tỷ lệ % tự chủ).
- Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước là **56** người.

(Chi tiết theo danh mục vị trí việc làm kèm theo)

2.3.3. Về quản lý và sử dụng viên chức, hợp đồng lao động

Chủ tịch UBND phường chịu trách nhiệm trong công tác chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện việc quản lý, tuyển dụng, sử dụng số lượng người làm việc, viên chức, hợp đồng lao động của Trường THCS Chu Văn An theo quy định của pháp luật hiện hành, quy định của tỉnh và các cơ quan có thẩm quyền.

Hiệu trưởng Trường THCS Chu Văn An thực hiện việc quản lý, sử dụng số lượng người làm việc, viên chức, hợp đồng lao động của Trường theo đúng thẩm quyền, quy định của pháp luật hiện hành, quy định của tỉnh.

2.4. Tự chủ về tài chính

2.4.1. Quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc giao quyền tự chủ tài chính về chi thương xuyên cho các đơn vị sự nghiệp công lập;

2.4.2. Dự kiến thu - chi từ nguồn thu sự nghiệp đảm bảo chi trả lương và chế độ chính sách cho số lượng NLV thuộc phân tự chủ:

(1) Dự toán thu - chi năm 2026: Tổng số thu 13.796.051 nghìn đồng; tổng số chi 13.796.051 nghìn đồng; Trong đó chi lương và các khoản khác (thưởng, lương tăng thêm,...) liên quan đến đội ngũ lãnh đạo, viên chức và người lao động là: 10.988.051 nghìn đồng; gồm:

+ Nguồn ngân sách cấp: 12.390.863 nghìn đồng

+ Nguồn thu tự chủ: 1.405.215 nghìn đồng

+ Tỷ lệ tự chủ: **10,19%**

-Dự kiến chi lương cho 06 người làm việc hưởng lương nguồn thu sự nghiệp: 747.615 nghìn đồng.

(2) Dự toán thu - chi năm 2027: Tổng số thu 15.067.486 nghìn đồng; tổng số chi 15.067.486 nghìn đồng; Trong đó chi lương và các khoản khác (thưởng, lương tăng thêm,...) liên quan đến đội ngũ lãnh đạo, viên chức và người lao động là: 12.259.468 nghìn đồng; gồm:

+ Nguồn ngân sách cấp: 13.594.051 nghìn đồng

+ Nguồn thu tự chủ: 1.472.985 nghìn đồng

+ Tỷ lệ tự chủ: **9,78%** - Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (**nhóm 4**).

(3) Dự toán thu - chi năm 2028: Tổng số thu 15.597.783 nghìn đồng; tổng số chi 15.597.783 nghìn đồng; Trong đó chi lương và các khoản khác (thưởng, lương tăng thêm,...) liên quan đến đội ngũ lãnh đạo, viên chức và người lao động là: 12.789.783 nghìn đồng; gồm:

+ Nguồn ngân sách cấp: 14.097.933 nghìn đồng

+ Nguồn thu tự chủ: 1.499.850 nghìn đồng

+ Tỷ lệ tự chủ: **9,62%**- Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (**nhóm 4**).

(4) Dự toán thu - chi năm 2029: Tổng số thu 15.859.076 nghìn đồng; tổng số chi 15.859.076 nghìn đồng; Trong đó chi lương và các khoản khác (thưởng, lương tăng thêm,...) liên quan đến đội ngũ lãnh đạo, viên chức và người lao động là: 12.925.076 nghìn đồng; gồm:

+ Nguồn ngân sách cấp: 14.328.176 nghìn đồng

+ Nguồn thu tự chủ: 1.530.900 nghìn đồng

+ Tỷ lệ tự chủ: **9,65%**- Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (**nhóm 4**).

(5) Dự toán thu - chi năm 2030: Tổng số thu 15.859.076 nghìn đồng; tổng số chi 15.859.076 nghìn đồng; Trong đó chi lương và các khoản khác (thưởng, lương tăng thêm,...) liên quan đến đội ngũ lãnh đạo, viên chức và người lao động là: 12.925.076 nghìn đồng; gồm:

+ Nguồn ngân sách cấp: 14.328.176 nghìn đồng

+ Nguồn thu tự chủ: 1.530.900 nghìn đồng

+ Tỷ lệ tự chủ: **9,65%**- Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (**nhóm 4**).

2.4.3. Thực hiện quản lý và sử dụng tài chính theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính

phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ các văn bản khác có liên quan.

Căn cứ vào nguồn thu sự nghiệp, chi thường xuyên của năm đầu thời kỳ ổn định, đơn vị sự nghiệp công xác định mức tự đảm bảo kinh phí hoạt động theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ.

2.4.4. Dự kiến lộ trình 05 năm theo quy định tại Nghị định 60/2021/NĐCP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ và các hướng dẫn cụ thể của cơ quan có thẩm quyền.

- Năm 2026: Xác định mức tự đảm bảo hoạt động của đơn vị: 10,19%
- Giai đoạn 2027-2030: Xác định mức tự đảm bảo hoạt động của đơn vị: Dưới 10%
- Căn cứ vào kết quả trên: Trường THCS Chu Văn An là đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc đơn vị nhóm 4.

3. Thời gian thực hiện

Đề án tự chủ của trường THCS Chu Văn An thực hiện trong giai đoạn 2026 - 2030.

PHẦN V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đề xuất trách nhiệm của UBND phường Cẩm Phả

1.1. Chịu trách nhiệm chỉ đạo triển khai tổ chức thực hiện Quyết định phê duyệt Đề án của Ủy ban nhân dân tỉnh; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện; rà soát, kịp thời sửa đổi, trình phê duyệt Đề án bổ sung, sửa đổi (nếu có) bảo đảm thực hiện hiệu quả, đúng quy định.

1.2. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát trường THCS Chu Văn An thực hiện Đề án tự chủ theo đúng nội dung được UBND tỉnh phê duyệt và quy định của pháp luật; kịp thời sửa đổi, trình phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Đề án tự chủ (nếu có) theo quy định.

1.3. Chịu trách nhiệm về việc làm ổn định và tiền lương, chế độ chính sách cho viên chức, hợp đồng lao động của các trường mầm non, phổ thông công lập thuộc UBND phường Cẩm Phả theo quy định của pháp luật hiện hành và của tỉnh (bao gồm số lượng người làm việc hưởng lương ngân sách và hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp).

1.4. Chủ trì triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm, trình UBND tỉnh phê duyệt và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung danh mục vị trí việc làm (khi cần thiết). Chỉ đạo trường THCS Chu Văn An hoàn thiện Bản mô tả công việc, khung năng lực của từng vị trí việc làm.

1.5. Xác định số lượng người làm việc theo từng vị trí việc làm, bao gồm số lượng người làm việc hưởng lương ngân sách và hưởng lương từ nguồn thu sự

nghiệp; báo cáo kết quả thực hiện với UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ tổng hợp). Rà soát, bố trí, điều chỉnh số lượng người làm theo vị trí việc làm, có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức, hợp đồng lao động chưa đáp ứng tiêu chuẩn hạng chức danh nghề nghiệp, trình độ chuyên môn hoặc giải quyết các trường hợp không phù hợp với vị trí việc làm theo quy định.

2. Trách nhiệm của Trường THCS Chu Văn An

2.1. Chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Đề án tự chủ của đơn vị, bảo đảm đúng quy định của pháp luật, chỉ đạo của UBND phường và các cơ quan liên quan; xây dựng Đề án sửa đổi, bổ sung (nếu cần) báo cáo Phòng Văn hóa – Xã hội phường trình Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND phường xem xét, phê duyệt theo quy định; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan để triển khai thực hiện Đề án tự chủ bảo đảm chất lượng, hiệu quả; quản lý, sử dụng số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp được Ủy ban nhân dân phường giao theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của UBND phường liên quan đến công tác triển khai và thực hiện Đề án tự chủ.

Trên đây là Đề án tự chủ của Trường THCS Chu Văn An, kính trình UBND phường Cẩm Phả xem xét, báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Đề án.

Trường Trung học cơ sở Chu Văn An trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Quảng Ninh;
- Sở Nội vụ, Sở GD&ĐT Quảng Ninh;
- UBND phường Cẩm Phả;
- Phòng KTHTĐT, Phòng VHXX;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Bắc

DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN
(Kèm theo Đề án số 98/ĐA-THCS ngày 10/3/2026 của Trường THCS Chu Văn An)

TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng vị trí việc làm	Hạng chức danh nghề nghiệp	Số lượng NLV theo định mức (năm học 2025-2026)	Số lượng NLV đề xuất năm học 2026-2027
I	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	2		3	3
1	Hiệu trưởng	1	I	1	1
2	Phó Hiệu trưởng	1	II	2	2
II	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành	2		55	55
1	Giáo viên	1	III	50	50
2	Tổng phụ trách	1		1	1
3	Thiết bị, thí nghiệm	1	III	1	1
4	Giáo vụ	1		1	1
5	Tư vấn học sinh	1		1	1
6	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	1		1	1
III	Vị trí làm việc chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung	5		3	3
1	Thư viện, quản trị công sở	1		1	1
2	Kế toán	1	III	1	1
3	Văn thư, thủ quỹ	1	III	1	1
IV	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ	1		1	1
1	Y tế học đường	1	IV	1	1
	Tổng	10		62	62